

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 02 - 2019

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tạo
2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

Ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2018/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1964

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn T, huyện K, tỉnh Khánh Hoà. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 21 tháng 12 năm 2018 và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, chị Trần Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh H có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình vào ngày 10 tháng 10 năm 2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã, không có sự hoà hợp trong cuộc sống gia đình. Hai bên gia đình đã tổ chức hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả, anh H đã bỏ nhà ra đi từ năm 2005. Vì vậy, vợ chồng sống ly thân đã 15 năm, không ai còn quan tâm gì đến nhau. Nay, chị nhận thấy không còn tình cảm gì với anh H nên có nguyện vọng mong muốn được ly hôn với anh H để sớm ổn định cuộc sống của bản thân.

Về con chung, quá trình chung sống chị và anh H có 01 con chung là Nguyễn Trần Kim H, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2004. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung, quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ gì của ai cũng như không ai nợ vợ chồng. Vì vậy, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xử vắng mặt ngày 12/12/2018 anh Nguyễn Thanh H trình bày: Anh và chị Trần Thị L đã tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình vào ngày 10/10/2003. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nên vợ chồng đã sống ly thân đến nay đã 15 năm. Nay chị L làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trần Kim H, sinh ngày 21/7/2004. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng giao con cho vợ nuôi và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Trần Thị L có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh H. Hiện tại anh H đang có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố H, thị trấn T, huyện K, tỉnh Khánh Hoà. Tuy nhiên chị L và anh H đã có văn bản thoả thuận yêu cầu Tòa án nơi chị L cư trú (Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình) giải quyết ly hôn. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Thanh H. Xét thấy do điều kiện công việc, hoàn cảnh ở xa và đi lại khó khăn nên anh H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thanh H

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là

hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống không có hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, không hoà hợp trong cách nghĩ. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân đến nay 15 năm và cũng không quan tâm gì đến nhau nên tình cảm không còn. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị L kiên quyết xin được ly hôn với anh H.

Xét thấy, chị L và anh H ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung:

Quá trình chung sống chị L và anh H có 01 con chung như chị L đã trình bày. Nếu ly hôn anh H có nguyện vọng giao con cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy, cháu Nguyễn Trần Kim H hiện đang ở cùng với chị L và có đơn trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ nếu bố mẹ cháu ly hôn, chị L cũng có nguyện vọng xin được nuôi con. Vì vậy, xét thấy nguyện vọng của chị L là hoàn toàn chính đáng và phù hợp nên cần căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 4/2019 cho đến khi con trưởng thành có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi sống bản thân.

[4] Về quan hệ tài sản chung:

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa và trong đơn xin xử vắng mặt chị L, anh H trình bày không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Chị L, anh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Thanh H

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị L, xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

3. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Trần Kim H, sinh ngày 21/7/2004 cho chị Trần Thị L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 4/2019 cho đến khi con trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002296 ngày 24 tháng 12 năm 2018. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Thanh H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ để sung vào công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà